

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HS-ST

Ngày: 06-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chín

2. Ông Lê Văn Do

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn B-Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26/8/1996 tại Thanh Hóa; CCCD:038096008312; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án; tiền sự: Không,

Ngày 20/10/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo. Ngày 20/6/2024, Lê Văn B bị bắt theo lệnh truy nã. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024, sau đó tạm giam từ ngày 23/6/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị N, sinh năm 2000; Trú tại: Làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Lê Văn S, sinh năm 1991; Trú tại: Làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

3. Chị Y, sinh năm 2000; Trú tại: Làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Sỹ K, sinh năm 1997; Trú tại: Làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Lê Xuân B1, sinh năm: 1998; Trú tại: Làng Đ ve,I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-*Người phiên dịch:* Bà H1; Trú tại: Thôn P, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2022, Lê Văn B đến nhà anh ruột là Lê Văn S (Sinh năm 1991, trú tại làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) để chơi. Trong thời gian cư trú tại nhà anh S, thông qua mạng xã hội Facebook, Ba làm quen và nảy sinh tình cảm yêu đương với chị N (Sinh năm 2000, trú tại làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai). Sau một thời gian quen biết, Ba đến sống chung như vợ chồng với chị N tại nhà N thuộc làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đến ngày 31/5/2022, Ba rủ chị N về quê Ba tại xã T, huyện T, Thanh Hóa để gặp gỡ gia đình, chị N đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị N đưa cho Ba chìa khóa xe mô tô biển số 81P1-085.91, nhãn hiệu HONDA, loại xe VISION, màu trắng đen bạc (của chị N) chở chị N đi đến nhà anh Phạm Đức T1 (Sinh năm 1995, trú tại Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) chơi, dự tiệc tân gia nhà mới của bạn B và đón xe về quê Ba (giấy tờ xe đã có sẵn trong cốp xe). Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 01/6/2022, do không có tiền đi xe khách về quê nên B nảy sinh ý định cầm xe mô tô của chị N để lấy tiền mua vé xe, Ba nói với T1 khi nào chị N dậy thì chở chị Nhỡ ra thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai để đón xe về Thanh Hóa còn Ba đi trước để gửi xe thì T1 đồng ý. Ba điều khiển xe mô tô biển số 81P1-085.91 đi đến tiệm cầm đồ “Thời Đại” địa chỉ tại số C T, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai (do chị Hồ Thị T2 thuê nhà để mở tiệm cầm đồ) cầm cố xe mô tô biển số 81P1-085.91 lấy số tiền 2.500.000 đồng. Khoảng 11 giờ cùng ngày anh T1 chở chị N đến thị trấn K, huyện M gặp B, chị N hỏi xe mô tô biển số 81P1-085.91 đang ở đâu thì Ba nói đã gửi tại nhà người quen khi nào vào thì lấy nên chị N tin tưởng là thật. Sau đó, B và N đón xe khách về Thanh Hóa chơi. Tại Thanh Hóa, B và chị N đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để đăng ký kết hôn nhưng do chưa có xác nhận độc thân của chị N nên không đăng ký được, B ký xác nhận độc thân để vào xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đăng ký kết hôn với chị N.

Đến ngày 07/6/2022, Ba và chị N quay về nhà chị N thì N1 (em trai chị N) nói cho chị N biết việc trước khi B về quê thì Như phát hiện bị mất một điện thoại hiệu Redmi để trong phòng ngủ, gia đình chị N nghi ngờ Ba đã lấy trộm nên không cho B và chị N lấy nhau. Lúc này, chị N yêu cầu B đi lấy xe mô tô 81P1- 085.91 về trả cho chị N, Ba không nói cho chị N biết việc Ba đã cầm cố xe, do bức tức việc gia đình chị

N không cho B lấy chị N nên Ba nảy sinh ý định bán xe của chị N rồi bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó, B hỏi mượn điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đen của chị N để gọi người nhà, chị N tin tưởng đưa điện thoại cho B sử dụng. Sau khi gọi điện thoại cho mẹ thì B nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của chị N rồi bỏ đi đến nhà anh trai Lê Văn S. Tại nhà anh S, do không có xe đi chơi nên B hỏi mượn xe của anh S nói để đi lên xã Đ đăng ký kết hôn với chị N, anh S đồng ý và giao cho Ba xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu đỏ, biển số 81B2-451.84 (không giao giấy tờ xe). Ba điều khiển xe mô tô biển số 81B2-451.84 của anh S đến quán cà phê tại ngã ba làng Đ, xã Đ ngồi uống cà phê đến khoảng 13 giờ cùng ngày, do không có tiền để chuộc xe cho chị N nên Ba nảy sinh ý định bán xe mô tô 81B2-451.84 của anh S. Ba điều khiển xe mô tô 81B2-451.84 đến cửa hàng “Duy Khánh” tại ngã ba làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai do anh Nguyễn Sỹ K (Sinh năm 1997, trú tại làng Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai làm chủ) để bán xe mô tô trên nhưng anh K không mua xe vì xe không có giấy tờ. Ba nói với anh K có biết ai muốn mua xe không thì giới thiệu nên anh K gọi điện thoại cho anh Lê Xuân B1 (Sinh năm 1998, trú tại Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, làm nghề buôn bán xe) đến cửa hàng của anh K để xem xe. Khi anh Lê Xuân B1 hỏi nguồn gốc xe thì B1 nói với anh Lê Xuân B1 là xe của B1, có giấy tờ đăng ký xe nhưng đã để rơi mất, Ba nói nhà ở làng P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Anh Xuân B1 kiểm tra biển số rồi đồng ý mua xe 81B2-451.84 với số tiền 3.500.000 đồng. Sau đó, B1 nói với anh K muốn bán xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION đang cầm cố tại thị trấn K, huyện M thì anh K nói đi xem xe rồi mua.

Khoảng 12 giờ ngày 08/6/2022, Ba đến tiệm cầm đồ chuộc xe mô tô 81P1-085.91 với số tiền 2.800.000 đồng, sau đó Ba gọi điện thoại hẹn gặp anh K tại quán cà phê sát bên tiệm cầm đồ “Thời đại “Đại”. K đến kiểm tra xe và xem giấy đăng ký xe thì chủ xe không phải tên B1. Ba nói nguồn gốc xe của vợ B1 và cho anh K xem giấy đăng ký kết hôn với chị N nên anh K tin tưởng đồng ý mua chiếc xe trên với số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi bán xe của chị N, Ba đón xe khách vào các tỉnh Bình Phước và thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê. Trong quá trình sử dụng, điện thoại di động của chị N bị rơi vỡ hư hỏng nên Ba đã vứt bỏ không dùng nữa (không nhớ địa chỉ cụ thể).

Sau khi mua xe mô tô biển số 81P1-085.91 của Ba, ngày 08/6/2022 anh K đã bán xe mô tô trên cho khách hàng (không viết giấy tờ mua bán, không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 9.000.000 đồng nên không thu hồi được.

Anh Lê Xuân B1 sử dụng xe mô tô 81B2-45184 được khoảng 05 ngày thì nhờ người dò tìm địa chỉ của chủ đứng tên đăng ký xe là chị Y nên đến nhà chị Y hỏi giấy tờ xe thì biết được sự việc xe bị Ba mượn rồi đem đi bán. Vợ chồng anh S chị Y đã chuộc lại xe mô tô 81B2-45184 từ anh Lê Xuân B1 với số tiền 3.500.000 đồng.

Ngày 08/6/2022, chị N không liên lạc được với Ba nên đã làm đơn trình báo đến Công an xã Đ. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Vào tháng 8/2022 (không nhớ chính xác ngày), Lê Văn B điện thoại cho chị N và gửi trả lại cho chị N số tiền 2.000.000 đồng và vào tháng 6/2024, sau khi nghe anh Lê Văn S nói đã chuộc lại xe mô tô 81B2-451.84 từ anh Lê Xuân B1 với số tiền 3.500.000 đồng thì B1 đã trả lại cho vợ chồng anh S chị Y số tiền 3.500.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Văn B bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 20/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai ban hành ết "Quyết định truy nã số 04 đối với Lê Văn B. Ngày 20/6/2024, Công an tỉnh T phát hiện, bắt giữ Lê Văn B tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại Kết luận định giá tài sản số 69 ngày 26/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển số 81P1-085.91, hiệu Vision, màu trắng, số máy: JF33E0211956, số khung: RLHJF33XCY212099, mua cũ vào tháng 5/2021, tại thời điểm tháng 6/2022 có trị giá 12.600.000 đồng,

- 01 (một) xe mô tô biển số 81B2- 451.84, hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, mua mới vào đầu năm 2018, tại thời điểm tháng 6/2022 có trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, không rõ chủng loại, màu đen, màn hình điện thoại loại giọt nước, góc trên bên trái mặt sau điện thoại có 02 mắt camera đặt dọc, không có cảm ứng vân tay, mua cũ vào đầu năm 2021, tại thời điểm tháng 6/2022 không đủ cơ sở để xác định giá.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, không rõ chủng loại, màu xanh, màn hình điện thoại loại giọt nước, tại giữa mặt sau điện thoại có chữ “Redmi”, góc trên bên trái mặt sau có 02 mắt camera đặt dọc, không có cảm ứng vân tay, mua cũ vào đầu năm 2021, tại thời điểm tháng 6/2022 không đủ cơ sở để xác định giá.

Tổng trị giá tài sản được định giá tại thời điểm tháng 6/2022 là 20.600.000 đồng.
Về vật chứng của vụ án: Không.

Về dân sự: Bị hại N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mua xe là 14.000.000 đồng, nhưng hiện bị cáo chưa bồi thường. Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Realme bị Ba chiếm đoạt thì Ba đã gửi cho chị N số tiền 2.000.000 đồng nên chị N không có yêu cầu gì thêm. Bị hại Lê Văn S và chị Y đã được Ba bồi thường số tiền 3.500.000 đồng nên không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Tại án "Bản Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 07-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo ề "Lê Văn B về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B với mức án từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị:

- Buộc bị cáo Lê Văn Ba P bồi thường cho bị hại ờ "Nhờ số tiền 14.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

-Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật ố "tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của ơ "Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại ơ "Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ xác định:

Trên cơ sở mối quan hệ tình cảm, ngày 31/5/2022, Lê Văn B rủ chị N về quê Ba để gặp gỡ gia đình thì chị N đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị N đã giao xe mô tô biển số 81P1-085.91 cho Ba để chở chị N đến nhà người quen chơi và đón xe về Thanh Hóa. Khoảng 07 giờ ngày 01/6/2022, B nảy sinh ý định cầm xe mô tô của chị N để lấy tiền mua vé xe về quê nên đã mang xe máy đi cầm cố được số tiền 2.500.000 đồng rồi Ba và chị N đón xe khách về quê. Đến ngày 07/6/2024, Ba và chị N quay về

nhà chị N thì gia đình chị N không cho B lấy chị N nên Ba mượn 01 điện thoại Realme của chị N để gọi cho gia đình, sau khi sử dụng Ba nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị N rồi đi đến nhà anh trai Lê Văn S. Tại nhà anh S, do không có xe đi chơi nên B hỏi mượn xe của anh S để đi lên xã Đ đăng ký kết hôn với chị N, anh S đồng ý và giao cho Ba xe mô tô biển số 81B2-451.84. Ba đi uống cà phê, do không có tiền chuộc xe của chị N nên B nảy sinh ý định bán xe mô tô của anh S. Sau đó, B bán xe mô tô 81B2-451.84 của anh S cho anh Lê Xuân B1 với giá 3.500.000 đồng rồi chuộc xe mô tô 81P1-085.91 của chị N và tiếp tục bán xe mô tô 81P1-085.91 của chị N cho anh Nguyễn Sỹ K với giá 8.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trị giá tài sản Ba chiếm đoạt của chị N là 12.600.000 đồng, chiếm đoạt của vợ chồng anh S chị Y là 8.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 20.600.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, sau khi được chị N giao xe và mượn xe của anh S rồi chiếm đoạt các tài sản trên là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 20.600.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như bản Cáocủa Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn B đã 03 lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; tại phiên tòa, bị hại anh Lê Văn S và chị Y xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về dân sự: Chị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mua xe là 14.000.000 đồng, xét yêu cầu là của chị N là có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo cũng đã đồng ý bồi thường 14.000.000 đồng cho chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với chị Hồ Thị T2 đã thuê nhà mở tiệm cầm đồ “Thời đại “Đại”, nhận cầm cố xe mô tô biển số 81P1-085.91 của Lê Văn B, hiện không còn hoạt động, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Sỹ K, anh Lê Xuân B1: Là người mua tài sản do Lê Văn B chiếm đoạt nhưng anh K và anh Lê Xuân B1 không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với tố giác của Như về việc Lê Văn B lấy trộm điện thoại của Như, quá trình điều tra Ba không thừa nhận hành vi trên và ngoài lời khai của Như, không có tài liệu chứng minh việc Ba trộm điện thoại của Như nên không có căn cứ xử lý đối với bị cáo Lê Văn B về hành vi phạm "Trộm cắp tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn B phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 20/6/2024).

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 584; Khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân năm 2015.

- Buộc bị cáo Lê Văn Ba P bồi thường cho bị hại ở "Nhờ số tiền 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lê Văn Ba P chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/11/2024), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ-Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Rmah HThuyên